

Bản án số: 16/2025/HNST
Ngày 25-08-2025
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11
THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hào

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thúy Hào
Ông Lê Văn Khoe

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Khuất Cao Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 08 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 287/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-08-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18-08-2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 29-01-1995 - Căn cước công dân số 077195002131 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25-06-2023.

Địa chỉ: Số I L, phường V, Thành phố H (cũ phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Cảnh T, sinh ngày 19-03-1982 - Căn cước công dân số 038082071296 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11-06-2023.

Địa chỉ: Số B Đường B, phường P, Thành phố H (cũ phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Cẩm N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Cảnh T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 20-07-2020). Chị và anh T chung sống không hạnh phúc vì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T hay uống rượu, cờ bạc, không lo quan tâm cho gia đình. Chị N đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T không thay đổi. Vào khoảng cuối năm 2024, có một ngày anh T nhậu say về nhà cha mẹ chị N tại số I L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (mới số I L, phường V, Thành phố H) quậy phá. Anh T còn thực hiện hành vi bạo lực dùng nón bảo hiểm đánh vào vùng mặt chị N. Gia đình chị N đã báo cáo vụ việc, Công an phường T mời chị N và anh T lên trụ sở làm việc, lập biên bản về sự việc xảy ra. Chị N xác định hiện tại anh T đang làm việc tại Khoa vật lý trị liệu Bệnh viện V. Chị N và anh T đã sống ly thân từ tháng 10/2021, mỗi người ở một nơi, chị N và con sinh sống cùng cha mẹ ruột. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng chị có một con chung Nguyễn Hồng L, sinh ngày 29-03-2021. Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hồng L. Chị N thay đổi yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con, nay chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp pháp các văn bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với bị đơn anh Nguyễn Cảnh T, để anh T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, vắng mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng, anh T cũng không thể hiện ý kiến và yêu cầu gì gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án tham gia tố tụng đầy đủ, đúng quy định pháp luật, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt hợp pháp nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do chính đáng, nên việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa, xác định chị N và anh T trong quan hệ hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng; vợ chồng anh chị không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

Về con chung: Xem xét thấy yêu cầu của chị N có căn cứ pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị N được quyền trực tiếp nuôi con. Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định pháp luật và mức thu nhập hợp pháp của anh T, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, Thành phố H. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố H.

[2]. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp, đúng qui định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng nên không còn tình cảm dành cho nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10-2021. Biên bản xác minh tại địa phương xác nhận việc chị N và anh T trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh T như chị N trình bày là đúng sự thật, có căn cứ xác định hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của chị N có căn cứ pháp luật, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

[4]. Về con chung: Chị N xác định chị và anh T có một con chung Nguyễn Hồng L, sinh ngày 29-03-2021.

Xét chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử quyết định chị N có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hồng L.

Xét chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định pháp luật và mức thu nhập hợp pháp của anh T. Căn cứ các tài liệu chứng cứ do Bệnh viện V – Sở y tế Thành phố H cung cấp, xác định chức danh nghề nghiệp của anh Nguyễn Cảnh T là Điều dưỡng hạng IV, lương và phụ cấp tháng 07-2025 của anh T thực lãnh là 11.606.634 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định buộc anh T phải thực hiện

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hồng L số tiền 3.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật; anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 2 Luật thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Cẩm N về việc ly hôn với anh Nguyễn Cảnh T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Cẩm N được quyền ly hôn với anh Nguyễn Cảnh T.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Cẩm N và anh Nguyễn Cảnh T có một con chung Nguyễn Hồng L, sinh ngày 29-03-2021.

- Chị Nguyễn Cẩm N có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nguyễn Hồng L.

- Anh Nguyễn Cảnh T có quyền và nghĩa vụ đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ này.

- Anh Nguyễn Cảnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hồng L số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/1 tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 25-08-2025 cho đến khi con chung Nguyễn Hồng L đủ 18 tuổi.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Án phí:

- Chị Nguyễn Cẩm N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003030 ngày 13-05-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (mới Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11, Thành phố H). Chị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Cảnh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nuôi con.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 11 - TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 11 - TP.HCM;
- UBND phường Vũng Tàu, TP. HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Hảo